

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **23** /2025/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày **24** tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Mức bồi thường thiệt hại thực tế khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 303/TTr-SNN ngày 31 tháng 12 năm 2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức bồi thường thiệt hại thực tế khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ~~06~~ tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này *trou*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng chính phủ;
- Các Bộ: TC, XD, TP, NNMT;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế-Bộ Nông nghiệp và MT;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTTT thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *Mu*



Lê Tấn Hồ
Lê Tấn Hồ



LÃY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Mức bồi thường thiệt hại thực tế khi Nhà nước thu hồi đất mà gây
thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể
di chuyển trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

(Kèm theo Quyết định số: **23** /2025/QĐ-UBND ngày **24** tháng 02 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức bồi thường thiệt hại thực tế khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai.
- Đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất; chủ sở hữu hợp pháp đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển trên đất bị thu hồi.
- Các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển là khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu vật nuôi là thủy sản không thể thực hiện việc di chuyển đến một địa điểm khác để tiếp tục thực hiện việc nuôi trồng vì các nguyên nhân khách quan sau đây:

- Không có địa điểm nuôi trồng mới.
- Không thể bố trí được cơ sở vật chất, ao hồ để tiếp tục nuôi trồng.
- Không thể thực hiện việc di chuyển đến một địa điểm khác để tiếp tục nuôi trồng do không thể tự đảm bảo các điều kiện về vận chuyển, điều kiện kỹ thuật, tập tính sống hoặc do môi trường của địa điểm chuyển đến không phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, sinh sản, phát triển của vật nuôi là thủy sản.



4. Địa phương nơi đang nuôi trồng thủy sản hoặc địa phương nơi chuẩn bị di chuyển đến đang trong thời gian xảy ra dịch bệnh và được cơ quan có thẩm quyền công bố dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

Chương II

XÁC ĐỊNH MỨC BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI THỰC TẾ

Điều 4. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại

1. Chỉ bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển là tài sản hợp pháp của chủ sở hữu, được tạo lập trước thời điểm có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chưa đủ thời gian nuôi tối thiểu.

2. Việc bồi thường thiệt hại dựa trên nguyên tắc thống kê, kiểm đếm, đánh giá, thẩm định hồ sơ, xác định loài vật nuôi thủy sản mà không thể di chuyển, mật độ nuôi, thời gian nuôi thực tế, đo đạc diện tích hoặc thể tích thực tế ao, bể hoặc lồng nuôi bị thiệt hại trên đất bị thu hồi.

3. Việc xác định mật độ nuôi để xác định đơn giá bồi thường dựa trên Bản kê khai số lượng nuôi trồng thủy sản ban đầu của chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh hoặc các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

Điều 5. Mức bồi thường thiệt hại thực tế đối với vật nuôi là thủy sản

1. Mức bồi thường thiệt hại thực tế đối với vật nuôi là thủy sản được tính theo công thức như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Mức bồi} & & \text{Diện tích hoặc thể} & & \text{Đơn giá} & & \text{Hệ số bồi} \\ \text{thường thiệt} & = & \text{tích ao, bể hoặc lồng} & \times & \text{bồi} & \times & \text{thường} \\ \text{hại thực tế} & & \text{nuôi bị thiệt hại} & & \text{thường} & & \end{array}$$

Trong đó:

Diện tích hoặc thể tích ao, bể hoặc lồng nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại là toàn bộ diện tích hoặc thể tích của ao, bể hoặc lồng trên đất bị thu hồi và có thủy sản bị thiệt hại.

Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Hệ số bồi thường được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hệ số bồi thường được xác định theo thời gian nuôi tối thiểu quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này và thời gian nuôi thực tế, cụ thể như sau:

a) Thời gian nuôi thực tế nhỏ hơn hoặc bằng $\frac{1}{2}$ thời gian nuôi tối thiểu thì hệ số bồi thường là 0,4.

b) Thời gian nuôi thực tế lớn hơn $\frac{1}{2}$ đến nhỏ hơn hoặc bằng $\frac{2}{3}$ thời gian nuôi tối thiểu thì hệ số bồi thường là 0,6.

c) Thời gian nuôi thực tế lớn hơn $\frac{2}{3}$ thời gian nuôi tối thiểu nhưng chưa đủ thời gian nuôi tối thiểu thì hệ số bồi thường là 0,8.

d) Thời gian nuôi thực tế là khoảng thời gian từ khi thả giống đến khi thực hiện thống kê, kiểm đếm; thời gian nuôi tối thiểu được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 6. Quy định về điều chỉnh, bổ sung đối với đơn giá bồi thường thiệt hại và bổ sung các loài vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển

1. Các trường hợp điều chỉnh đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển:

a) Giá thị trường của vật nuôi là thủy sản có biến động tăng trên 20% và duy trì liên tục trong thời gian 03 (ba) tháng trở lên so với đơn giá dùng để tính đơn giá bồi thường theo Phụ lục tại Quy định này.

b) Giá thị trường của vật nuôi thủy sản có biến động giảm trên 20% và duy trì liên tục trong thời gian 03 (ba) tháng trở lên so với đơn giá dùng để tính đơn giá bồi thường theo Phụ lục tại Quy định này.

2. Việc thu thập thông tin về giá vật nuôi là thủy sản được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, hạng mục đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt.

2. Đối với những dự án, hạng mục đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành Thông báo thu hồi đất trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa hoàn tất thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được sử dụng số liệu đã kiểm kê, các biểu mẫu đã lập đến ngày Quy định này có hiệu lực để lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới



thì áp dụng thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ bồi thường cấp huyện xác định mức bồi thường thiệt hại thực tế đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trên địa bàn đúng theo Quy định này và lập hồ sơ bồi thường theo thực tế;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đề xuất sửa đổi, bổ sung vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển, đơn giá bồi thường thiệt hại gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi bổ sung kịp thời;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền cho các cơ sở nuôi trồng thủy sản về Quy định này, hướng dẫn các cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện các quy định pháp luật về nuôi trồng thủy sản, thực hiện kê khai số lượng nuôi trồng thủy sản ban đầu theo khoản 2 Điều 4 Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

3. Chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản mà không thể di chuyển lưu giữ, phối hợp cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động nuôi trồng thủy sản cho tổ chức thực hiện bồi thường làm cơ sở xác định đơn giá và mức bồi thường thiệt hại.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm kịp thời phản ánh, báo cáo và đề xuất giải pháp cụ thể gửi qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Phụ lục
ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI ĐỐI VỚI MỘT SỐ LOÀI THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN
 (Kèm theo Quyết định số: 23 /2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

STT	Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi			Mật độ	Thời gian nuôi tối thiểu (ngày)	Cơ thu hoạch (kg/con)	Năng suất		Đơn giá (đồng/kg)	Đơn giá bồi thường	
		Nuôi trong ao	Nuôi lồng bè	Nuôi trong bể				Đơn vị tính	Năng suất		Đơn vị tính	Thành tiền (Đồng)
1	Tôm thẻ chân trắng	×			< 60 con/m ²	120	0,025	kg/m ²	0,9	100.000	m ²	90.000
2	Tôm thẻ chân trắng	×			60 - <120 con/m ²	120	0,025	kg/m ²	1,8	100.000	m ²	180.000
3	Tôm thẻ chân trắng	×			120 - <200 con/m ²	120	0,025	kg/m ²	3	100.000	m ²	300.000
4	Tôm sú	×			<15 con/m ²	135	0,025	kg/m ²	0,2	150.000	m ²	33.750
5	Tôm sú	×			15 - < 25 con/m ²	135	0,025	kg/m ²	0,4	150.000	m ²	56.250
6	Ốc hương	×			< 100 con/m ²	210	0,01	kg/m ²	0,6	120.000	m ²	72.000
7	Ốc hương		×		100 - < 300 con/m ²	210	0,01	kg/m ²	1,95	120.000	m ²	234.000
8	Cá múi trăn châu	×			≤ 01 con/m ²	360	0,8	kg/m ²	0,48	150.000	m ²	72.000
9	Cá múi trăn châu		×		15 -25 con/m ³	360	0,8	kg/m ³	10,4	150.000	m ³	1.560.000
10	Cua xanh	×			≤ 1 con/m ²	150	0,3	kg/m ²	0,2	250.000	m ²	45.000
11	Cá chẽm	×			≤ 1,5 con/m ²	300	0,8	kg/m ²	0,8	100.000	m ²	84.000
12	Cá chẽm		×		≤ 25 con/m ³	300	0,8	kg/m ³	13	100.000	m ³	1.300.000
13	Cá hồng mỹ	×			≤ 1,5 con/m ²	300	0,8	kg/m ²	0,72	110.000	m ²	79.200
14	Cá hồng mỹ		×		≤ 25 con/m ³	300	0,8	kg/m ³	12	110.000	m ³	1.320.000
15	Cá chim vây vàng	×			≤ 3 con/m ²	360	0,7	kg/m ²	1,26	120.000	m ²	151.200
16	Cá chim vây vàng		×		25 - 35 con/m ³	360	0,6	kg/m ³	11,7	120.000	m ³	1.040.000
17	Cá rô phi	×			≤ 7 con/m ²	120	0,45	kg/m ²	2,2	25.000	m ²	55.125
18	Cá trê	×			≤ 20 con/m ²	120	0,3	kg/m ²	4,5	35.000	m ²	157.500

STT	Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi			Mật độ	Thời gian nuôi tối thiểu	Cỡ thu hoạch (kg/con)	NĂng suất		Đơn giá (đồng/kg)	Đơn giá bồi thường	
19	Cá trê			×	$\leq 25 \text{ con/m}^2$	120	0,3	kg/m ²	5,6	35.000	m ²	196.875
20	Cá lóc	×			$\leq 10 \text{ con/m}^2$	120	0,4	kg/m ²	2,8	40.000	m ²	112.000
21	Cá lóc			×	$\leq 25 \text{ con/m}^2$	120	0,4	kg/m ²	6	40.000	m ²	240.000
22	Tôm hùm bông		×		3 - 5 con/m ²	540	1	kg/m ³	3,6	1.100.000	m ²	3.960.000
23	Tôm hùm xanh		×		12-15 con/m ²	300	0,3	kg/m ³	3,6	700.000	m ²	2.520.000
24	Tôm hùm bông			×	$\leq 10 \text{ con/m}^2$	540	0,9	kg/m ²	5,4	1.000.000	m ²	5.400.000
25	Tôm hùm xanh			×	$\leq 25 \text{ con/m}^2$	300	0,3	kg/m ²	5,4	700.000	m ²	3.780.000

Ghi chú:

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư căn cứ mật độ thả nuôi để làm cơ sở xác định đơn giá bồi thường đối với loài thủy sản nuôi cụ thể.
- Mật độ thả nuôi vận dụng theo Quyết định số 25/2024/QĐ- UBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Quy định mức kinh tế- kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên, được quy định dao động trong khoảng để phù hợp với thực tế sản xuất.
- Thời gian nuôi tối thiểu đối với vật nuôi thủy sản là thời gian từ khi thả giống đến khi vật nuôi thủy sản đạt kích cỡ thương phẩm.
- Đối với các ao nuôi ghép hai hoặc nhiều đối tượng thì xác định đơn giá bồi thường theo đối tượng nuôi chính (là đối tượng nuôi có sản lượng hoặc giá trị chiếm tỷ trọng cao nhất trong số các đối tượng đang thả nuôi).
- Trường hợp mật độ nuôi vượt khung trong bảng đơn giá thì áp dụng theo mức cao nhất trong đơn giá.
- Xác định diện tích hoặc thể tích ao, bể, lồng nuôi: Ao, bể, lồng nuôi thủy sản có một phần hoặc toàn bộ nằm trong diện tích đất bị thu hồi thì xác định 100% diện tích hoặc thể tích của ao, bể, lồng nuôi thủy sản thực tế bằng đo trực tiếp./.